CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF APPROVED PRODUCT

Từ ngày: 01/07/2019 Đến ngày: 01/07/2024

Loại hình công nhận: , CWA, CTA, CDA

Nhóm sản phẩm: Vật liệu kim loại - Thân tàu

Loại sản phẩm:

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
Vật liệu kim loại - Thân tàu/ Hull metal material					
1	Vật liệu đúc/ Casting	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÚC 19-5 Địa chỉ: KM13, QL10, KÊNH GIANG, THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG, VIỆT NAM 19-5 CASTING J.S.C Address: Km13, Road 10, Kenh Giang, Thuy Nguyen Dist, Hai Phong City, Vietnam	Tên sản phẩm/ Product: Các sản phẩm đúc Khối lượng đúc lớn nhất/ Max casting weight: 2250 kg Thép đúc các bon và thép đúc hợp kim thấp/ Carbon and low alloy steel castings: Thép đúc các bon và thép hợp kim thấp; gang đúc/Carbon and alloy steel casting; Iron casting.	00034/20CN01.WA 24/02/2020 24/02/2025 24/08/2022	CWA
2	Thép tấm/ Steel Plate	Nanjing Iron & Steel Co., Ltd. Địa chỉ: Xiejiadian, Luhe District, Nanjing City, Jiangsu Province, China Nanjing Iron & Steel Co., Ltd. Address: Xiejiadian, Luhe District, Nanjing City, Jiangsu Province, China	Loại/ Type: Rolled steel Vật liệu/ Material: Normal strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A; B; D; E Kích thước/ Dimensions: Max. Thickness: 100 mm; Max. Wide: 4700 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed; Killed and fine grain treated (Grade E)	01000/23CN01.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
3	Thép tấm/ Steel Plate	Nanjing Iron & Steel Co., Ltd. Địa chỉ: Xiejiadian, Luhe District, Nanjing City, Jiangsu Province, China Nanjing Iron & Steel Co., Ltd. Address: Xiejiadian, Luhe District, Nanjing City, Jiangsu Province, China	Loại/ Type: Rolled steel Vật liệu/ Material: Hight strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A32, D32, E32, A36, D36, E36, A40, D40, E40 Kích thước/ Dimensions: Max. Thickness: 100 mm; Max. Wide: 4700 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed and Fine grain treated	01000/23CN02.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA
4	Thép hình/ Steel Section	Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Địa chỉ: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Address: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China	Loại/ Type: Bulb flats steels Vật liệu/ Material: Normal strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A; B; D; E Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Max. Dimentions: 430 x 20 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed; Killed and fine grain treated (Grade E)	01044/23CN01.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA
5	Thép hình/ Steel Section	Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Địa chỉ: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Address: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China	Loại/ Type: Bulb flats steels Vật liệu/ Material: Hight strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A32; D32; E32; A36; D36; E36; A40; D40 Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Max. Dimentions: 430 x 20 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed and Fine grain treated	01044/23CN02.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
6	Thép hình/ Steel Section	Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Địa chỉ: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Address: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China	Loại/ Type: Equal/Unequal angle steel Vật liệu/ Material: Normal strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A; B; D; E Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Max. Dimentions: 250 x 250 x 20 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed; Killed and fine grain treated (Grade E)	01044/23CN03.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA
7	Thép hình/ Steel Section	Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Địa chỉ: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Address: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China	Loại/ Type: Equal/Unequal angle steel Vật liệu/ Material: Hight strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A32; D32; E32; A36; D36; E36; A40; D40 Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Max. Dimentions: 250 x 250 x 20 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed and Fine grain treated	01044/23CN04.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA
8	Thép hình/ Steel Section	Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Địa chỉ: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Address: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China	Loại/ Type: Inverted angle steel Vật liệu/ Material: Normal strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A; B; D; E Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Max. Dimentions: L 450 x 125 x 13 x 18 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed; Killed and fine grain treated (Grade E)	01044/23CN05.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
9	Thép hình/ Steel Section	Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Địa chỉ: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China Suqian Nanjing Iron & Steel Group Jinxin Steel Rolling Co., Ltd Address: No. 89 of Jiangshan Road, Suyu District, Suqian, Jiangsu province, China	Loại/ Type: Inverted angle steel Vật liệu/ Material: Hight strength steel Cấp vật liệu/ Grade: A32; D32; E32; A36; D36; E36; A40; D40 Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Max. Dimentions: L 450 x 125 x 13 x 18 mm Khử ôxy/ Deoxidation practice: Killed and Fine grain treated	01044/23CN06.WA 08/03/2024 08/03/2029 08/09/2026	CWA
10	Thép hình/ Steel Section	CÔNG TY TNHH THÉP AN KHÁNH Địa chỉ: Khu Thuỷ Lợi 2, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội AN KHANH STEEL COMPANY LIMITED Address: Thuy Loi 2 Area, Tan Minh Ward, Soc Son District, Ha Noi	Loại/ Type: Thép góc đều cạnh / Equal leg angle Vật liệu/ Material: Thép / Steel Cấp vật liệu/ Grade: Thép cấp A / Grade A Kích thước danh nghĩa/ Nominal size: Cạnh: từ 50 mm đến 130 mm; Độ dày: từ 4 mm đến 12 mm Độ dài sản phẩm/ Length, Unit: Lớn nhất 12000 mm	00082/20CN02.WA 22/04/2020 22/04/2025 22/10/2022	CWA
11	Sản phẩm hợp kim đồng đúc/ Copper alloy castings products	Công ty Cổ phần SX và TM Toàn Thắng Địa chỉ: Số 3A đường An Trì, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng Toan Thang Manufacture and Trading JSC. Address: No. 3A An Tri road, Hung Vuong ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Khối lượng đúc lớn nhất cho phép/ Max. weight: 4465 kg Vật liệu/ Material: HBsC 1	00507/19CN.WA 20/01/2020 11/01/2025 20/07/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
12	Sản phẩm hợp kim đồng đúc/ Copper alloy castings products	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐÌNH ĐÔ Địa chỉ: Thôn Vân Tra, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng DINH DO IMPORT – EXPORT JOINT STOCK COMPANY Address: Van Tra Hamlet, An Dong Commune, An Duong District, Hai Phong Cty	Khối lượng đúc lớn nhất cho phép/ Max. weight: 1000kg Loại sản phẩm/ Kind: Sản phẩm hợp kim đồng đúc dùng để chế tạo các chi tiết hệ trục chân vịt/Hệ trục lái (áo lót trục; bac trục ..) phù hợp thiết kế được VR thẩm định/ Copper alloy casting products used to manufacture propeller shaft system/steering shaft system components (shaft sleeve; shaft bearings...) in accordance with designs approved by VR. Vật liệu/ Material: Hợp kim đồng đúc/Copper alloy casting Kích thước/ Dimensions: Phù hợp bản vẽ được VR thẩm định mm Công dụng/ Application: Làm các chi tiết, bộ phân hệ trục chân vịt/hệ trục lái.	00306/24CN01.WA 24/04/2024 24/04/2029 24/10/2026	CWA
13	Sản phẩm hợp kim đồng đúc/ Copper alloy castings products	Công ty TNHH TMDV Hàng hải Nhật Vinh Địa chỉ: 125 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP Hồ Chính Minh Nhat Vinh Marine Trading Ltd.Co. Address: 125 Tran Xuan Soan, Tan Thuan Tay Ward, Dist.7, HoChiMinh City	Khối lượng đúc lớn nhất cho phép/ Max. weight: 2500kg Loại sản phẩm/ Kind: Sản phẩm hợp kim đồng đúc dùng để chế tạo các bộ phận hệ trục chân vịt/Hệ trục lái phù hợp thiết kế được VR thẩm định/ Copper alloy casting products used to manufacture propeller shaft system and stern tube shaft system/Rudder shaft system components in accordance with VR approved designs. Vật liệu/ Material: Hợp kim đồng đúc/Copper alloy casting.	00930/23CN02.WA 27/12/2023 27/12/2028 27/06/2026	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
14	Phôi thép rèn/ Steel Forgings	Dongtai QB Stainless Steel Co., Ltd. Địa chỉ: Zhouxia Industrial Park of Qindong Town, 2210212 Dongtai, Jiangsu, China Dongtai QB Stainless Steel Co., Ltd. Address: Zhouxia Industrial Park of Qindong Town, 2210212 Dongtai, Jiangsu, China	Vật liệu/ Material: Thép rèn: Carbon steel, Carbon-Manganese steel, Alloy steel, Austenitic stainless steel, Martensitic stainless steel, Duplex stainless steel. Trạng thái bề mặt/ Surface machining: Finished machining Nhiệt luyện/ Heat treatment: N+T, Q+T, Solution Treated Khối lượng/ Weight: 2000 kg	00820/23CN01.WA 08/11/2023 08/11/2028 08/05/2026	CWA
15	Sản phẩm thép đúc/ Casting steel products	Công ty Cổ phần SX và TM Toàn Thắng Địa chỉ: Số 3A đường An Trì, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng Toan Thang Manufacture and Trading JSC. Address: No. 3A An Tri road, Hung Vuong ward, Hong Bang District, Hai Phong City	Khối lượng đúc lớn nhất cho phép/ Max. weight: 4465 kg Cấp vật liệu/ Grade Material: SC	00507/19CN.WA 20/01/2020 11/01/2025 20/07/2022	CWA
16	Vật liệu thép đúc/ Steel castings	Công ty TNHH 289 Địa chỉ: Số 289, khu Vĩnh Tuy I, Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh 289 Company Limited Address: No. 289, Vinh Tuy I area, Mao Khe Ward, Dong Trieu Town, Quang Ninh Province	Cấp vật liệu đúc/ Material grade: Thép đúc các bon / SC Khối lượng đúc lớn nhất cho phép/ Max. allowable casting weight: Max. 3000 kg	00709/23CN.WA 05/02/2024 05/02/2029 05/08/2026	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
17	Thép rèn/ Steel forgings.	Shandong Wantong Marine Engineering Co.,Ltd Địa chỉ: No. 17, Jiahe Road, Jiaming Economic Development Zone, Dongchangfu Dist., Liaocheng, Shandong, China Shandong Wantong Marine Engineering Co.,Ltd Address: No. 17, Jiahe Road, Jiaming Economic Development Zone, Dongchangfu Dist., Liaocheng, Shandong, China	Vật liệu/ Material: Carbon steel forging; Low alloy steel forging; Stailess steel forging. Khối lượng rèn lớn nhất/ Max. forging weight: 10 tons	00472/23CN01.WA 03/07/2023 30/06/2028 03/01/2026	CWA
18	Nhôm định hình/ Aluminum Section	Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina Địa chỉ: Đường B2, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên Hyundai Aluminum Vina Shareholding Company Address: Road B2, Block B, Pho Noi A Industrial Zone, Lac Hong Commune, Van Lam Dist., Hung Yen Province	Loại/ Type: Nhôm mỏ / Aluminium Alloy Bulb Flat Bar Vật liệu/ Material: Hợp kim nhôm / Aluminium Alloy Cấp vật liệu/ Grade: 6061S Kích thước/ Dimensions: Kính thước chính/Main dimensions: Lớn nhất/Max 76 mm x 5,5 mm Chiều dài sản phẩm/ Length, Unit: Lớn nhất/ Max: 6000 mm	00449/23CN01.WA 21/09/2023 21/09/2028 21/03/2026	CWA
19	Nhôm định hình/ Aluminum Section	Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina Địa chỉ: Đường B2, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên Hyundai Aluminum Vina Shareholding Company Address: Road B2, Block B, Pho Noi A Industrial Zone, Lac Hong Commune, Van Lam Dist., Hung Yen Province	Loại/ Type: Nhôm góc đều cạnh; góc lệch cạnh; chữ U/ Aluminum Equal angleg; Unequal angleg; Shape U Vật liệu/ Material: Hợp kim nhôm / Aluminium Alloy Cấp vật liệu/ Grade: 6061S Kích thước/ Dimensions: Kính thước chính / Main dimension: Lớn nhất/ Max (L: 100 x 100 x 12)mm ; (L: 218 x 70 x 7)mm; (U: 305 x 101 x 9)mm Chiều dài sản phẩm/ Length, Unit: 6000 mm	00787/23CN01.WA 09/11/2023 09/11/2028 09/05/2026	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
20	Nhôm định hình/ Aluminum Section	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 27 Địa chỉ: Tổ 6, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên 27 ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY Address: Group 6, Quan Trieu Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province	Loại/ Type: Nhôm góc (đều cạnh/ không đều cạnh) Vật liệu/ Material: Hợp kim nhôm Cấp vật liệu/ Grade: 6061S-T6 Kích thước/ Dimensions: Chiều rộng cánh lớn nhất: 120 mm; chiều dày cánh lớn nhất: 7 mm Chiều dài sản phẩm/ Length, Unit: Đến: 6000 mm	00994/22CN01.WA 15/02/2023 15/02/2028 15/08/2025	CWA
21	Nhôm định hình/ Aluminum Section	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 27 Địa chỉ: Tổ 6, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên 27 ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY Address: Group 6, Quan Trieu Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province	Loại/ Type: Nhôm mỏ Vật liệu/ Material: Hợp kim nhôm Cấp vật liệu/ Grade: 6061S-T6 Kích thước/ Dimensions: Chiều rộng thành lớn nhất : 80 mm; Chiều dày thành lớn nhất: 5 mm; Chiều cao mỏ lớn nhất: 16 mm Chiều dài sản phẩm/ Length, Unit: Đến 6000 m	00137/21CN02.WA 18/01/2022 18/01/2027 18/07/2024	CWA
22	Vật liệu thép đúc không gỉ/ Stainless steel castings	Công ty CP Thương mại và Thiết bị Tàu thủy Đình Đô Địa chỉ: Số 414 Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, Hải Phòng Dinh do Shipping equipment & Trading JSC Address: No. 414 Tôn Duc Thang Street, An Dong Ward, An Duong District, Hai Phong City	Vật liệu/ Material: Thép đúc không gỉ SCS14 Khối lượng đúc lớn nhất/ Max. casting mass: Max. 225 kg	00690/23CN.WA 11/10/2023 11/10/2028 11/04/2026	CWA